

## PHỤ LỤC

## HIỆN TRẠNG VÀ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VỤ BẢN

(Kèm theo Phương án số ..... /PA-UBND ngày ..... tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vụ Bản)

STT	Hiện trạng thôn					STT	Phương án sắp xếp thôn			Phương án sắp xếp, bố trí người HDKCT ở thôn		Số người hoạt động trực tiếp ở thôn	Ghi chú
	Tên thôn	Số hộ gia đình	Số nhân khẩu	Số người HDKCT ở thôn	Số người hoạt động trực tiếp ở thôn		Dự kiến tên gọi của thôn sau sắp xếp	Số hộ gia đình	Số nhân khẩu	Số người tiếp tục sắp xếp, bố trí, sử dụng	Số người dôi dư sau khi sắp xếp		
1	Tiên Hương 4	191	677	2	3	1	Tiên Hương	1.177	3.982	3	9	5	
2	Tiên Hương 5	187	655	2	3								
3	Tiên Hương 6	253	826	2	3								
4	Tiên Hương 7	183	597	2	3								
5	Tiên Hương 8	204	710	2	3								
6	Tiên Hương 9	159	517	2	3								
7	Mới	99	395	3	3	2	Kim Thái	553	2.062	3	6	5	
8	Pheo Tiên	202	781	3	3								
9	Cầu Uông	252	886	3	3								
10	Vân Cát 1	169	593	2	3	3	Vân Cát	499	1.820	3	3	5	
11	Vân Cát 2	160	545	2	3								
12	Vân Cát 3	170	682	2	3								
13	Đông	221	877	3	3	4	Xuân Bảng	725	2.842	3	4	5	
14	Tây	292	1.136	2	2								
15	Tân Phương	212	829	2	2								
16	Dư Duệ	488	1.714	3	4	5	Tam Thanh	877	3.148	3	3	5	
17	Phú Thứ	389	1.434	3	5								

STT	Hiện trạng thôn					STT	Phương án sắp xếp thôn			Phương án sắp xếp, bố trí người HDKCT ở thôn		Số người hoạt động trực tiếp ở thôn	Ghi chú
	Tên thôn	Số hộ gia đình	Số nhân khẩu	Số người HDKCT ở thôn	Số người hoạt động trực tiếp ở thôn		Dự kiến tên gọi của thôn sau sắp xếp	Số hộ gia đình	Số nhân khẩu	Số người tiếp tục sắp xếp, bố trí, sử dụng	Số người dôi dư sau khi sắp xếp		
18	An Lạc	296	1.082	3	4	6	An Lạc	562	1.942	3	3	5	
19	Tiền	266	860	3	4								
20	Tây Côi Sơn	348	1.202	2	5	7	Côi Sơn	578	2.021	3	1	5	
21	Đông Côi Sơn	230	819	2	5								
22	Văn Côi	400	1.493	2	5	8	Văn Côi	681	2.545	3	1	5	
23	Non Côi	281	1.052	2	5								
24	Phú Quảng	371	1.300	3	5	9	Trần Huy Liệu	684	2.449	3	5	5	
25	Trần Huy Liệu	183	724	2	5								
26	Lê Xá	130	425	3	3								
27	Vân Côi	211	800	2	5	10	Mỹ Côi	844	3.402	3	3	5	
28	Mỹ Côi	416	1.755	2	5								
29	Lương Thế Vinh	217	847	2	5								
	<b>Tổng</b>	<b>7.180</b>	<b>26.213</b>	<b>68</b>	<b>108</b>		<b>Tổng</b>	<b>7.180</b>	<b>26.213</b>	<b>30</b>	<b>38</b>	<b>50</b>	